

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

Số: 55/2016/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 11 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Kạn**

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC KẠN
CÔNG VĂN HIỆN
Số 4670
ngày 23/11/2016

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày
20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm
2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt
động của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 13 quy định về chế độ, chính sách và các
điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ
Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội
nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012
của Liên Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý sử
dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây
dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy
ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 82/TTr-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Ban Pháp
chế Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu
đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Kạn, nhiệm kỳ 2016-
2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, định
mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm
tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể định mức
chi khi chi số giá tiêu dùng tăng bình quân trên 20%.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 37/2014/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá IX, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH;
- Chính phủ;
- VP QH, VP CP, VP CTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Tổng hợp, HC-TC-QT;
- Lưu VT, HS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du

QUY ĐỊNH

Một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết quy định một số chế độ, định mức chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Kạn.

2. Các chế độ chi khác đảm bảo cho hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp không quy định tại nghị quyết này được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tới các hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo Điều 103 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

2. Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán được giao, đảm bảo đúng chế độ, định mức, đối tượng được quy định theo Nghị quyết này và các quy định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Kinh phí hoạt động hàng năm của Hội đồng nhân dân cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo.

3. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đáp ứng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thực hiện chế độ chi, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chi xây dựng, hoàn chỉnh các văn bản phục vụ kỳ họp

1. Chi xây dựng báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân, hoàn chỉnh nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; chương trình kỳ họp, biên bản kỳ họp

- a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản;
- b) Cấp huyện: 300.000 đồng/văn bản;
- c) Cấp xã: 200.000 đồng/văn bản.

2. Chi xây dựng báo cáo, tờ trình của thường trực Hội đồng nhân dân, bài khai mạc, bế mạc, đề cương báo cáo kết quả kỳ họp; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri

- a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/văn bản;
- b) Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản;
- c) Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.

Điều 5. Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Hỗ trợ tiền ăn kỳ họp: Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời, các thành phần tham dự kỳ họp được tổ chức ăn tập trung (*Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân không ăn được thanh toán bằng tiền*)

- a) Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;
- b) Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày;
- c) Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

2. Hỗ trợ chế độ nghỉ: Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời khi tham dự kỳ họp được bố trí chỗ nghỉ theo quy định hiện hành (*Đại biểu không nghỉ tại địa điểm được bố trí thì không được thanh toán*).

3. Chi bồi dưỡng kỳ họp

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chủ tọa kỳ họp	<i>Đồng/người/ngày</i>	250.000	180.000	120.000
2	Thư ký kỳ họp, đại biểu HĐND	<i>Đồng/người/ngày</i>	150.000	100.000	80.000
3	Khách mời là đại biểu cấp trên, cấp ủy, MTTQ cùng cấp, đại biểu Quốc hội, Thường trực HĐND, UBND cấp huyện, xã, đại diện cử tri	<i>Đồng/người/ngày</i>	120.000	100.000	80.000
4	Các thành phần tham gia khác (<i>Công chức, người lao động, bác sỹ, y tá, thư ký thảo luận Tổ, người nhận thông tin qua đường dây điện thoại, lái xe phục vụ đại biểu HĐND trực tiếp tại kỳ họp; phóng viên báo, đài PT-TH trường thuật trực tiếp tại kỳ họp</i>)	<i>Đồng/người/ngày</i>	100.000	80.000	60.000

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ được hưởng một mức chi bồi dưỡng cao nhất.

4. Chi các cuộc họp có liên quan trực tiếp đến kỳ họp Hội đồng nhân dân bao gồm: Họp báo, họp chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp; đánh giá, rút kinh nghiệm kỳ họp; họp thẩm tra báo cáo, tờ trình, đề án

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chủ trì	<i>Đồng/người/cuộc</i>	150.000	100.000	80.000
2	Các thành phần tham gia, phục vụ trực tiếp	<i>Đồng/người/cuộc</i>	100.000	70.000	50.000

Điều 6. Chi hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân; giám sát chuyên đề của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân khi được Thường trực Hội đồng nhân dân giao

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Trưởng đoàn, chủ trì các cuộc họp	<i>Đồng/người/buổi</i>	100.000	80.000	60.000
2	Chi cho các thành phần tham gia khác (<i>Thành viên đoàn, công chức, phục vụ, phóng viên báo, đài PT-TH</i>)	<i>Đồng/người/buổi</i>	70.000	50.000	30.000
3	Chi xây dựng Quyết định giám sát (<i>Bao gồm kế hoạch và đề cương giám sát</i>)	<i>Đồng/văn bản</i>	500.000	300.000	200.000
4	Chi xây dựng kế hoạch, đề cương khảo sát	<i>Đồng/văn bản</i>	300.000	200.000	100.000
5	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát	<i>Đồng/văn bản</i>	1.000.000	700.000	400.000
6	Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát	<i>Đồng/văn bản</i>	800.000	500.000	300.000
7	Chi cho nghiên cứu, đề xuất phương án giám sát, khảo sát vụ việc theo đơn thư khiếu nại, tố cáo (<i>Đề xuất được chấp nhận</i>)	<i>Đồng/văn bản</i>	200.000	150.000	100.000

Điều 7. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri

1. Hỗ trợ điếm tiếp xúc cử tri

- a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/điếm tiếp xúc;
- b) Cấp huyện: 1.000.000 đồng/điếm tiếp xúc;
- c) Cấp xã: 700.000 đồng/điếm tiếp xúc.

2. Hỗ trợ người làm công tác tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri

- a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;
- b) Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi;
- c) Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

Trường hợp phối hợp tiếp xúc cử tri giữa hai cấp (*Giữa Đoàn đại biểu Quốc hội với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, giữa đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, giữa đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã*) thì thực hiện hỗ trợ kinh phí có mức chi cao nhất.

Điều 8. Chi Hội nghị lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh do Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Chủ trì	<i>Đồng/người/cuộc</i>	150.000	100.000
2	Các đại biểu dự họp, thành phần tham gia	<i>Đồng/người/cuộc</i>	100.000	50.000
3	Chi góp ý kiến tham luận bằng văn bản	<i>Đồng/văn bản</i>	100.000	50.000
4	Chi viết báo cáo tổng hợp ý kiến	<i>Đồng/báo cáo</i>	800.000	500.000

Điều 9. Chi hỗ trợ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và các Ban Hội đồng nhân dân cấp xã

1. Hỗ trợ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân (*Giám sát, khảo sát, công tác phí, tiếp xúc cử tri, tra cứu tài liệu...*)

- a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/đại biểu/năm;
- b) Cấp huyện: 1.000.000 đồng/đại biểu/năm;
- c) Cấp xã: 600.000 đồng/đại biểu/năm.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, các Ban Hội đồng nhân dân cấp xã được hỗ trợ kinh phí hoạt động giám sát, các cuộc họp sinh hoạt tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; hỗ trợ chi văn phòng phẩm và chi khác.

- a) Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 2.500.000 đồng/Tổ/năm;
- b) Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 1.500.000 đồng/Tổ/năm;

c) Các Ban Hội đồng nhân dân cấp xã: 1.000.000 đồng/Ban/năm.

Điều 10. Một số chế độ chi khác đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân

1. Chi công tác xã hội của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (*Chi hỗ trợ, thăm hỏi gia đình chính sách, cá nhân gặp rủi ro do thiên tai, hộ nghèo, trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật, trung tâm người có công, trường dân tộc nội trú, các đơn vị bộ đội, công an nơi biên giới, hải đảo; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, chiến đấu, có đóng góp cho Hội đồng nhân dân...*)

a) Đối với tập thể: 3.000.000 đồng/lượt;

b) Đối với cá nhân: 700.000 đồng/lượt (*Không quá 02 lượt/cá nhân/năm*).

2. Một số chế độ chi đặc thù khác: Hỗ trợ may trang phục, lễ phục cho đại biểu Hội đồng nhân dân trong nhiệm kỳ; chi tổng kết nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng nhân dân; chi tặng quà lưu niệm chi thăm hỏi ốm đau, tang lễ; chi hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động phục vụ Hội đồng nhân dân... thuộc Hội đồng nhân dân cấp nào thì do Thường trực Hội đồng nhân dân cấp đó quyết định và bố trí từ ngân sách của địa phương.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Mức chi tại Quy định này là mức tối đa, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức chi cho phù hợp, trong khả năng cân đối của ngân sách cấp mình.

Điều 12. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp báo cáo về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du

